TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **246**/2024/QĐST-HNGĐ	*K, ngày 01 tháng 7 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 224/2024/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2024, về việc: "Xin ly hôn", giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Minh H**, sinh năm 1986
Nơi thường trú: TDP C, thị trấn C, huyện K, thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Anh **Lê Xuân T**, sinh năm 1969
Nơi thường trú: TDP C, thị trấn C, huyện K, thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 án của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 21 tháng 6 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 21 tháng 6 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị **Nguyễn Thị Minh H** và anh **Lê Xuân T.**

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

2.1. - Về con chung: Chị H và anh T thống nhất xác định anh, chị có 01 con chung là các cháu Lê Nhật V, sinh ngày 14/9/2005. Khi chị H và anh T ly hôn thì cháu Nhật V đã trưởng thành trên 18 tuổi, có sức khoẻ và phát triển bình thường

nên chị H và anh T không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết việc giao nuôi con chung và nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung;

- Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng: Hai bên thống nhất t thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết;

- Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Minh H t nguyện chịu cả 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền chị H đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0004261 ngày 20/6/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K. Chị Nguyễn Thị Minh H được hoàn lại số tiền 150.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, t nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
-VKSND huyện K;
- TAND TP. Hà Nội;
- VKSND TP. Hà Nội;
- THADS huyện K;
-UBND TT C, huyện K, thành phố Hà Nội (theo GCNKH số 41, ngày 23/4/2004);
- Lưu HS; Vp.

THẨM PHÁN

Đoàn Thành Nam